TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2019/DS-PT
Ngày: 26 - 9 - 2019
V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2099/2019/QĐPT ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1946; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1943; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh P và ông Nguyễn Văn S. (có mặt)

Địa chỉ: A, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L (S), sinh năm 1954; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Võ Đức T, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: A, Phường C, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 27/6/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1961 (Quốc tịch Liên bang Úc); (vắng mặt)

2. Chị Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh năm 1990 (Quốc tịch Liên bang Úc); (vắng mặt)

3. Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1996 (Quốc tịch Liên bang Úc); (vắng mặt).

4. Anh Huỳnh Phát T, sinh năm 2000 (Quốc tịch Liên bang Úc); (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 10 Lunncrt, Cabramatta, NSW 2166, Australia (liên bang Úc).

5. Ông Trần Văn M, sinh năm 1952 (chồng bà L); (vắng mặt)

6. Anh Bùi Quốc H, sinh năm 1988 (chồng chị D); (có mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông M và anh H: Ông Võ Đức T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: A, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 25/10/2017).

7. Anh Trần Văn T, sinh năm 1986 (con trai bà L); (vắng mặt)

8. Chị Trần Thị Mọng D, sinh năm 1988 (con gái bà L); (vắng mặt)

9. Anh Trần Văn N, sinh năm 1991 (con trai bà L); (vắng mặt)

10. Anh Trần Văn M, sinh năm 1970 (con trai bà L); (vắng mặt)

11. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1985 (vợ anh M); (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà E, bà A là luật sư Nguyễn Minh C thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Thị Hai (chết năm 2005) và cụ Huỳnh Phát N (chết năm 1993) có 4 người con gồm: Bà Huỳnh Thị A, bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Phát T (chết năm 2003). Ông Huỳnh Phát T có vợ là bà Huỳnh Thị T và 03 người con là Huỳnh Thị Ngọc T1, Huỳnh Thị Ngọc H, Huỳnh Phát T. Bà T, chị T1, chị H và anh T đang định cư ở Liên bang Úc. Cụ N và cụ H chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ H và cụ N tạo lập được khối tài sản như sau:

1. Thửa đất số 231, TBĐ số 27, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế 673,7m^2 (thửa cũ là 2034, TBĐ số 6). Trên thửa 231 trước đây có căn nhà 5 gian vách gỗ của cụ H và cụ N. Sau đó, vợ chồng bà L và các con bà L đã xây dựng lại căn nhà kiên cố như hiện nay. Vợ chồng bà L và các con bà L gồm anh T, anh N, anh H, chị D đang quản lý, sử dụng thửa đất 231 và tài sản gắn liền với đất. Bà E và bà A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với căn nhà 5 gian vách gỗ vì hiện nay căn nhà không còn.

2. Thửa đất số 50, TBĐ số 27, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 1.589,6m^2 (thửa cũ gồm 1624 và một phần thửa 1626, TBĐ số 6). Thửa 50 gồm khu A và B có thanh long do anh T trồng năm 2014.

3. Thửa đất số 30, TBĐ số 27, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 5.087,2m^2 (thửa cũ gồm phần còn lại của thửa 1626 và thửa 1622, TBĐ số 6). Thửa 30 gồm các khu C, D, I, H và J. Khu C và H do vợ chồng anh M trồng lúa. Khu I trước đây có 260 trụ bê tông của vợ chồng anh M. Đến tháng 6/2017, vợ chồng anh M trồng 260 gốc thanh long trên những trụ bê tông có sẵn. Còn khu D và J có diện tích là 2.571,9m^2, bà T (vợ ông T) đã hiến cho chùa Trung Thuận. Bà A và bà E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khu D và J có diện tích 2.571,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 30, TBĐ số 27, loại đất LUC.

4. Thửa đất số 49, TBĐ số 27, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 672,1m^2 (thửa cũ là 1623, TBĐ số 6). Trên thửa 49 (ký hiệu khu E) có căn nhà gỗ tạp, mái tole do vợ chồng anh M cất năm 1986, được sửa chữa hầu như toàn bộ năm 2017. Phần đất hai bên hông nhà và phía sau nhà anh M có thanh long do anh T và bà L trồng năm 2014.

5. Thửa đất số 47, TBĐ số 27, gồm khu F diện tích 4.340,4m^2 đất LUC và khu G diện tích 171m^2 đất NTD (thửa cũ gồm 1620 và 1621, TBĐ số 6). Trên khu F có hai mả đôi diện tích 25,4m^2 và khu G là đất nghĩa địa. Trên khu F và khu G có thanh long do chị D và bà L trồng năm 2014.

Bà A và bà E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích hai mả là 25,4m^2 và phần diện tích nghĩa địa là 171m^2 (ký hiệu khu G), chỉ yêu cầu chia thừa kế phần còn lại của khu F có diện tích 4.315m^2 đất LUC thuộc một phần thửa 47.

(Vị trí, diện tích đo đạc cụ thể căn cứ Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017).

6. Thửa đất số 1638, TBĐ số 6, diện tích theo GCNQSDĐ là 2.477m^2 (thửa này không đo đạc vì các đương sự không xác định được ranh giới). Trên thửa đất có thanh long do vợ chồng bà L trồng. Bà A và bà E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất số 1638, đồng ý cho vợ chồng bà L tiếp tục quản lý, sử dụng.

Các thửa đất trên tọa lạc tại xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An do cụ H đứng tên trên GCNQSDĐ số I 280152 được UBND huyện C cấp ngày 18/9/1996. Bà A và bà E chỉ yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất do cụ H

và cụ N để lại; còn toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của gia đình bà L, bà A và bà E không tranh chấp.

Như vậy, giá trị phần di sản của cụ N và cụ H để lại trong phạm vi khởi kiện của bà A và bà E là 1.622.436.000đ (căn cứ Chứng thư thẩm định giá ngày 31/8/2017 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam)

Bà A và bà E đồng ý trích một phần trong khối di sản cho bà L được hưởng vì bà L có công sức tôn tạo, bảo quản, giữ gìn di sản của cụ N và cụ H để lại. Phần còn lại, bà A và bà E yêu cầu chia là bốn phần, mỗi người được hưởng một phần. Bà A và bà E đồng ý để gia đình bà L được tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất trên vì hiện nay hai thửa đất thổ là thửa 231 có căn nhà kiên cố và các công trình, kiến trúc do gia đình bà L xây dựng; thửa 49 có căn nhà của vợ chồng anh M đang ở. Các thửa đất lúa còn lại gồm thửa 50, 30, 47 đều có thanh long do gia đình bà L trồng. Bà A và bà E đã lớn tuổi, không có kinh nghiệm trồng và chăm sóc thanh long nên yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất.

Bà A và bà E thống nhất với Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017 và Chứng thư thẩm định giá ngày 31/8/2017 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam).

Bị đơn bà Huỳnh Thị L do ông Võ Đức T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ bà L là cụ Huỳnh Phát N, sinh năm 1911, chết năm 1993 và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1915, chết năm 2005. Cụ N và cụ H sinh được 04 người con như bà E bà A trình bày. Ông T chết năm 2003 có vợ là bà Huỳnh Thị T và các con là Huỳnh Thị Ngọc T1, Huỳnh Thị Ngọc H, Huỳnh Phát T. Bà T, chị T1, chị H và anh T đang định cư ở Liên bang Úc. Cụ N và cụ H chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ N và cụ H tạo lập được một ngôi nhà 5 gian vách gỗ và các thửa đất số 231, 50, 30, 49, 47, TBĐ số 27; thửa 1638, TBĐ số 6, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An như nguyên đơn trình bày ở trên. Hiện nay, vợ chồng bà L và các con bà L đang quản lý, sử dụng các thửa đất này.

Riêng phần diện tích 2.571,9m^2 (ký hiệu khu D và J thuộc một phần thửa 30), ông T được cha mẹ cho, vợ ông T đã hiến cho chùa Trung Thuận. Hiện nay, bà L không quản lý, sử dụng và cũng không tranh chấp phần này.

Ngoài ra, cụ N và cụ H còn có thửa đất số 2124, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.290m^2, loại đất thổ cư và 5.000m^2 đất lúa (bà L không biết số thửa), tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C. Khi còn sống, cụ N có cho vợ chồng ông Ch và bà E mượn thửa đất 2124. Sau đó, ông Ch đã đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Hiện nay, thửa đất này do ông Ch và bà E đang quản lý, sử dụng. Cụ H và cụ N có cho bà E và bà A mỗi người 2.500m^2 đất lúa nói trên. Bà A đã chuyển nhượng 2.500m^2 đất lúa cho người khác; còn 2.500m^2 của bà E hiện do bà E và ông Ch đang quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất trên và đồng ý chia cho bà A và bà E một phần bằng giá trị của 1.000m^2 đất lúa.

Tuy nhiên, ông T đại diện cho bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

Ông T thống nhất với Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017 và Chứng thư thẩm định giá ngày 31/8/2017 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M và anh Bùi Quốc H do ông Võ Đức T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông M và anh H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông M và anh H thống nhất với Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017 và Chứng thư thẩm định giá ngày 31/8/2017 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh chị Trần Văn T, Trần Thị Mọng D, Trần Văn N, Trần Văn M, Ngô Thị T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 184, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623, 649, 650, 651, 652, 658, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A đối với bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và nhà ở" gồm khu D có diện tích 574,7m^2, khu J có diện tích 1997,2m^2 thuộc một phần thửa 30; khu G có diện tích 171m^2, diện tích hai mả đôi là 25,4m^2 của khu F thuộc một phần thửa đất số 47; căn nhà 5 gian vách gỗ trên thửa 231; TBĐ số 27, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

(Vị trí, diện tích đo đạc cụ thể căn cứ Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A đối với bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" đối với thửa 1638, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.477m^2, TBĐ số 27, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A đối với bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Buộc bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Mọng D, anh Bùi Quốc H, anh Trần Văn M, chị Ngô Thị T có nghĩa vụ liên đới chia cho bà Huỳnh Thị E giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền là 324.487.200đ.

Buộc bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Mọng D, anh Bùi Quốc H, anh Trần Văn M, chị Ngô Thị T có nghĩa vụ liên đới chia cho bà Huỳnh Thị A giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền là 324.487.200đ.

4. Giao cho bà Huỳnh Thị L và ông Trần Văn M tạm thời quản lý giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền là 324.487.200đ của bà Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Phát T, chị Huỳnh Thị Ngọc T1, chị Huỳnh Thị Ngọc H.

5. Bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Bùi Quốc H, chị Trần Thị Mọng D, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng khu A và B thuộc thửa 231, TBĐ số 27, diện tích 673,7m^2 tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Bùi Quốc H, chị Trần Thị Mọng D, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N, anh Trần Văn M, chị Ngô Thị T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng khu A và B thuộc thửa 50, diện tích 1.589,6m^2; khu C, khu H, khu I diện tích 2.515,3m^2 thuộc một phần thửa 30; khu E thuộc thửa 49 diện tích 672,1m^2; một phần khu F diện tích 4.315m^2 (không tính diện tích hai mả là 25,4m^2) và khu G diện tích 171m^2 thuộc thửa 47; TBĐ số 27, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

(Vị trí, diện tích đo đạc cụ thể căn cứ Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017).

Các đương sự được quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những phần đất trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2018 bà Huỳnh Thị L kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện ủy quyền của bị đơn đề nghị hủy bản án do vi phạm nghiêm trọng về cả tố tụng và nội dung: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 30 được chia làm 4 phần trong đó có phần hiến cho chùa Trung Thuận hiện nay chùa Trung Thuận quản lý, phần bà L mượn trồng thanh long nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L và Chùa Trung Thuận vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trên thửa đất số 30 có nhà, cây trồng và tài sản của ông M, ở cấp sơ thẩm ông M yêu cầu định giá nhưng Tòa án cấp sơ thẩm

cho rằng nguyên đơn yêu cầu chia bằng tiền chứ không phải bằng hiện vật nên không tiến hành thủ tục định giá nhưng quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu nào thể hiện nguyên đơn yêu cầu chia bằng tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử vụ án lại theo thủ tục chung.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị L không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bà L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị L nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp tòa sơ thẩm xác định là tranh chấp "Thừa kế quyền sử dụng đất" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị L thấy rằng:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất các nội dung sau:

Cụ Huỳnh Phát N chết năm 1993 và cụ Nguyễn Thị H chết năm 2005. Cụ N và cụ H chết không để lại di chúc, có 4 người con gồm Huỳnh Thị E, Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị L và Huỳnh Phát T (chết năm 2003). Ông T có vợ là Huỳnh Thị T và có các con gồm Huỳnh Thị Ngọc T1, Huỳnh Thị Ngọc H và Huỳnh Phát T. Hiện nay, bà T và các con của ông T bà T đang định cư tại Liên bang Úc.

Các tài sản sau là di sản của cụ N và cụ H để lại:

- Thửa đất số 231, TBĐ số 27, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế 673,7m^2 (thửa cũ là 2034, TBĐ số 6).

- Thửa đất số 50, TBĐ số 27, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 1.589,6m^2 (thửa cũ gồm 1624 và một phần thửa 1626, TBĐ số 6).

- Thửa đất số 30, TBĐ số 27, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 5.087,2m^2 (thửa cũ gồm phần còn lại của thửa 1626 và thửa 1622, TBĐ số 6).

- Thửa đất số 49, TBĐ số 27, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 672,1m^2 (thửa cũ là 1623, TBĐ số 6).

- Thửa đất số 47, TBĐ số 27, gồm 4.340,4m^2 đất LUC (ký hiệu khu F) và 171m^2 đất NTD (ký hiệu khu G) (thửa cũ gồm 1620 và 1621, TBĐ số 6).

- Thửa đất số 1638, TBĐ số 6, diện tích theo GCNQSDĐ là 2.477m^2 (thửa này không đo đạc vì các đương sự không xác định được ranh giới).

[2.2] Tại sơ thẩm bà E và bà A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với: Phần diện tích 2.571,9m^2 ký hiệu khu D và J thuộc một phần thửa 30; phần diện tích hai mả là 25,4m^2 và phần diện tích 171m^2 (ký hiệu khu G) thuộc một phần thửa 47; thửa đất số 1638 diện tích theo GCNQSDĐ là 2.477m^2 và căn nhà 5 gian vách gỗ trên thửa 231. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với những phần mà bà A và bà E đã rút là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Căn cứ Chứng thư thẩm định giá ngày 31/8/2017 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định giá trị di sản của cụ N và cụ H để lại tổng giá trị: 1.622.436.000đ.

[2.4] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, hiện trạng các phần đất tranh chấp như sau:

Trên khu A của thửa 231: Có nhà kiên cố do vợ chồng bà L và các con bà L xây dựng. Hiện nay, bà L, ông M, anh T, anh N, chị D, anh H đang quản lý, sử dụng;

Trên khu B thửa 231: Trước đây là ao trũng, ông M cho rằng ao sâu 4m còn bà A cho rằng ao sâu 2,5m. Trong quá trình Tòa án đang giải quyết tranh chấp, bà D tự ý san lấp nền, xây cuốn nền, đổ đà và xây tường rào bốn phía. Ông M trình bày: Chi phí chị D đổ cát là 68.000.000đ, chưa tính chi phí xây cuốn nền. Tuy nhiên, chị D không cung cấp chứng cứ để Tòa án xem xét chi phí san lấp, xây dựng.

Trên khu A và B của thửa 50: Có thanh long do anh T trồng;

Trên một phần khu E thuộc thửa 49: Có căn nhà và các công trình phụ khác của vợ chồng anh M;

Trên phần còn lại của khu E thuộc thửa 49, khu F của thửa 47: Có thanh long của bà L, anh T và chị D.

Trên khu C và H của thửa 30: Vợ chồng anh M trồng lúa;

Trên khu I của thửa 30: Có 260 gốc thanh long của vợ chồng anh M trồng tháng 6/2017;

Như vậy, vợ chồng bà L và các con của bà L đều xây dựng các công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm trên hầu như toàn bộ các phần đất tranh chấp và không có cơ sở xác định chính xác diện tích cụ thể mỗi người đang quản lý, sử dụng, cũng không có cơ sở xác định chi phí chị D bỏ ra để san lấp, xây dựng trên khu B thửa 231.

Mặt khác, bà A và bà E đều đã lớn tuổi, không có kinh nghiệm trồng, chăm sóc thanh long và có yêu cầu nhận giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nhận giá trị quyền sử dụng đất. Bà L, ông M và các anh chị N, T, D, M, T, H được quyền tiếp tục

quản lý, sử dụng các phần đất trên và có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với kỷ phần mà bà A và bà E được hưởng là có căn cứ.

[2.5] Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2015, bà L là người chiếm hữu, sử dụng và quản lý di sản nên được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Mặt khác, bà L ở chung với cụ H và cụ N, có công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, có nhiều công sức đóng góp trong việc tôn tạo làm tăng giá trị đất. Căn cứ khoản 3 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015, bà L được hưởng một phần giá trị trong khối di sản (theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn). Hội đồng xét xử thống nhất trích một phần giá trị trong khối di sản cho bà L được hưởng là 324.487.200đ.

Như vậy, giá trị còn lại của khối di sản mà bà A và bà E yêu cầu chia thừa kế là: 1.622.436.000đ - 324.487.200đ = 1.297.948.800đ.

Cụ N và cụ H chết không để lại di chúc. Căn cứ khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản của cụ N và cụ H để lại được chia theo quy định của pháp luật. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N và cụ H gồm có bà L, bà A, bà E và ông T nên di sản được chia thành 4 kỷ phần bằng nhau là 1.297.948.800đ : 4 = 324.487.200đ.

Bà A, bà E, bà L mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 324.487.200đ.

Ông T được hưởng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 324.487.200đ. Ông T chết năm 2003 nên vợ và các con của ông T được hưởng kỷ phần thừa kế ông T được nhận. Ông T chết sau cụ N nên bà T, anh T, chị T1, chị H được hưởng di sản do cụ N để lại cho ông T là 162.243.600đ. Ông T chết trước cụ H nên chị H, chị T1 và anh T được hưởng thừa kế thế vị đối với di sản của cụ H là 162.243.600đ. Hiện nay, vợ con của ông T đang đang định cư ở Liên bang Úc chưa có yêu cầu chia thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử tạm giao kỷ phần thừa kế có giá trị 324.487.200đ của bà T, chị H, chị T1, anh T cho bà L quản lý. Trong trường hợp có tranh chấp, bà T, chị H, chị T1, anh T có quyền khởi kiện bà L bằng vụ án khác.

[3] Bị đơn bà Huỳnh Thị L kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Huỳnh Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Huỳnh Thị L (S). Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 184, khoản 2 Điều 244, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623, 649, 650, 651, 652, 658, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A đối với bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và nhà ở" gồm khu D có diện tích 574,7m^2, khu J có diện tích 1997,2m^2 thuộc một phần thửa 30; khu G có diện tích 171m^2, diện tích hai mả đôi là 25,4m^2 của khu F thuộc một phần thửa đất số 47; căn nhà 5 gian vách gỗ trên thửa 231; TBĐ số 27, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

(Vị trí, diện tích đo đạc cụ thể căn cứ Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A đối với bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" đối với thửa 1638, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.477m^2, TBĐ số 27, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E, bà Huỳnh Thị A đối với bà Huỳnh Thị L về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Buộc bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Mọng D, anh Bùi Quốc H, anh Trần Văn M, chị Ngô Thị T có nghĩa vụ liên đới chia cho bà Huỳnh Thị E giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền là 324.487.200đ.

Buộc bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Mọng D, anh Bùi Quốc H, anh Trần Văn M, chị Ngô Thị T có nghĩa vụ liên đới chia cho bà Huỳnh Thị A giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền là 324.487.200đ.

- Giao cho bà Huỳnh Thị L và ông Trần Văn M tạm thời quản lý giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền là 324.487.200đ của bà Huỳnh Thị T, anh Huỳnh Phát T, chị Huỳnh Thị Ngọc T1, chị Huỳnh Thị Ngọc H.

- Bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Bùi Quốc H, chị Trần Thị Mọng D, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng khu A và B thuộc thửa 231, TBĐ số 27, diện tích 673,7m^2 tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Huỳnh Thị L, ông Trần Văn M, anh Bùi Quốc H, chị Trần Thị Mọng D, anh Trần Văn T, anh Trần Văn N, anh Trần Văn M, chị Ngô Thị T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng khu A và B thuộc thửa 50, diện tích 1.589,6m^2; khu C, khu H, khu I diện tích 2.515,3m^2 thuộc một phần thửa 30; khu E thuộc thửa 49 diện tích 672,1m^2; một phần khu F diện tích 4.315m^2 (không tính diện tích hai

mả là 25,4m^2) và khu G diện tích 171m^2 thuộc thửa 47; TBĐ số 27, tọa lạc xã Thuận Mỹ, huyện C, tỉnh Long An.

(Vị trí, diện tích đo đạc cụ thể căn cứ Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 13/7/2017).

Các đương sự được quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những phần đất trên theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị L được miễn án phí, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001140 ngày 01/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Đương sự (11)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (3) 20b (MTTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Huyền Vân